

Bản án số: 146/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 479/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lý Minh N**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị NG**, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa anh Lý Minh N trình bày:

Anh N và chị NG quen biết, tìm hiểu và tự NG tiến tới hôn nhân năm 2008, năm 2012 anh chị ly hôn. Đến năm 2013 thì anh N và chị NG hàn gắn tình cảm về chung sống cùng nhau và có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/8/2013. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, tài chính gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân đến nay hơn một năm. Trong thời gian

sống ly thân cả hai không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N xin ly hôn với chị NG.

Về con chung: Có hai con chung tên là Lý Trung K, sinh ngày 12/4/2014 và Lý Thiên PH, sinh ngày 17/6/2008. Cháu K hiện đang sống cùng chị NG; cháu PH hiện đang sống cùng anh N. Anh N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lý Thiên PH sau khi ly hôn, không yêu cầu chị NG cấp dưỡng nuôi con. Anh N yêu cầu chị NG tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lý Trung K sau khi ly hôn, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị NG về việc yêu cầu anh N phải giao cho chị NG số tiền 100.000.000 đồng là tiền công sức chị NG về làm dâu nhà anh N từ khi anh chị chung sống với nhau cho đến nay.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị NG vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại chị NG trình bày:

Chị NG thống nhất với lời trình bày của anh N về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, NG nhân phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị NG đồng ý ly hôn với anh N. Chị NG yêu cầu anh N phải giao cho chị NG số tiền 100.000.000 đồng là tiền công sức chị NG về làm dâu nhà anh N từ khi anh chị chung sống với nhau cho đến nay. Về con chung: Có hai con chung tên là Lý Trung K, sinh ngày 12/4/2014 và Lý Thiên PH, sinh ngày 17/6/2008. Cháu K hiện đang sống cùng chị NG; cháu PH hiện đang sống cùng anh N. Chị NG đồng ý để anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lý Thiên PH sau khi ly hôn, chị NG không cấp dưỡng nuôi con. Chị NG đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lý Trung K sau khi ly hôn, chị NG không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. NG đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Minh N, cụ thể: Anh Lý Minh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị NG. Về con chung: Giao con chung là Lý Thiên PH cho anh N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, ghi nhận anh N không yêu cầu chị NG cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung là Lý Trung K cho chị NG trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; chị NG không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không

có yêu cầu nên không xem xét. Không xem xét đối với yêu cầu của chị NG về việc yêu cầu anh N phải giao cho chị NG số tiền 100.000.000 đồng là tiền công sức chị NG về làm dâu nhà anh N từ khi anh chị chung sống với nhau cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Lý Minh N đối với chị Nguyễn Thị NG thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Chị Nguyễn Thị NG có nơi cư trú tại xã A, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lý Minh N và chị Nguyễn Thị NG tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Anh N cho rằng hôn nhân giữa anh và chị NG không hạnh PH nên yêu cầu được ly hôn với chị NG. Theo anh N trình bày thì NG nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tài chính gia đình dẫn đến thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị mạnh ai nấy sống, không thể hàn gắn tình cảm được. Chị NG xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng như anh N trình bày là có thật, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Tại phiên tòa anh N và chị NG thống nhất ly hôn, không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị NG đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị NG là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Anh N và chị NG có hai con chung là Lý Trung K, sinh ngày 12/4/2014 và Lý Thiên PH, sinh ngày 17/6/2008. Cháu Lý Thiên PH sống cùng anh N từ khi anh N và chị NG sống ly thân cho đến nay, anh N cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng cháu PH, khi Tòa án hỏi ý kiến thì cháu PH có NG vọng được tiếp tục sống cùng anh N khi anh N và chị NG ly hôn. Cháu Lý Trung K sống cùng chị NG từ khi anh N và chị NG sống ly thân cho đến nay, khi Tòa án hỏi ý kiến thì cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị NG khi anh N và chị NG ly hôn. Anh N và chị NG đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu K cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị NG; cháu PH cũng đã thích nghi với môi trường sống

và với việc chăm sóc, giáo dục của anh N. Tại phiên toà, anh N và chị NG thống nhất, chị NG trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu PH sau khi anh chị ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Lý Trung K và cháu Lý Thiên PH cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, giao con chung là Lý Thiên PH cho anh N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giao con chung là Lý Trung K cho chị NG trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N và chị NG không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị NG trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Đối với yêu cầu của chị NG về việc yêu cầu anh N phải giao cho chị NG số tiền 100.000.000 đồng là tiền công sức chị NG về làm dâu nhà anh N từ khi anh chị chung sống với nhau cho đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị NG trình bày yêu cầu này phiên toà, chị NG không có đơn yêu cầu phản tố gửi Toà án đối với yêu cầu theo quy định tại Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này của chị NG, chị NG có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Anh N là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Minh N, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Anh Lý Minh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị NG.

2. Về con chung:

Giao con chung là Lý Thiên PH, sinh ngày 17/6/2008 cho anh Lý Minh N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Lý Minh N không yêu cầu chị Nguyễn Thị NG cấp dưỡng nuôi con chung Lý Thiên PH .

Giao con chung là Lý Trung K, sinh ngày 12/4/2014 cho chị Nguyễn Thị NG trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lý Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung Lý Trung K do chị Nguyễn Thị NG không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, anh Lý Minh N, chị Nguyễn Thị NG hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh Lý Minh N, chị Nguyễn Thị NG có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Lý Minh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0002203 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

5. NG đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- UBND xã An Định ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(2b) TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

